TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ B** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2017
V/v "*Không công nhận quan hệ vợ, chồng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đức
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thế Hợp
2. Bà Vũ Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lệ Thy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Hùng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 93/2017/TLST - HNGĐ ngày 04/5/2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 26/6/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Đào Thị Bích T**, sinh năm 1972

Bị đơn: Ông: **Vũ Đức T**, sinh năm 1971
Cùng cư trú tại: Tổ 2, Kp P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 17/4/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đào Thị Bích T trình bày:

Bà và ông Vũ Đức T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chung

sống hạnh phúc được 22 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông T thường xuyên uống rượu, say xỉn về nhà gây gỗ và đánh bà. Do đó, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ cuối năm 2015 bà đã ra ngoài thuê nhà trọ sống ly thân với ông T cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Vũ Đức T.

- *Về con chung:* Bà và ông T 02 con chung là: Vũ Minh V, sinh ngày 24/4/1993 và Vũ Thị Thu C, sinh ngày 27/11/2001 ngoài ra không nhận ai làm con nuôi. Hiện tại bà không có mang thai. Từ lúc bà sống ly thân với ông T thì hai con chung sống cùng ông T cho đến nay. Hiện nay con chung là Vũ Minh V đã trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên bà không có yêu cầu gì. Đối với con chung là Vũ Thị Thu C, bà yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con. Nếu cháu C có nguyện vọng sống với bà, bà trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Nếu cháu C có nguyện vọng sống cùng ông T thì bà đồng ý để ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về T sản chung và nợ chung*: Bà và ông T tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Phần trình bày của bị đơn ông Vũ Đức T:

Tại phiên tòa hôm nay ông Vũ Đức T vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai ngày 22/5/2017 ông T trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống vợ chồng, về con chung, về thời gian sống ly thân với nhau. Ông thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông thường xuyên uống rượu, cứ khoảng 2-3 ngày thì ông uống rượu một lần nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi vã với nhau, thỉnh thoảng có đánh nhau. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

- *Về con chung:* Ông yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con. Nếu cháu Vũ Thị Thu C có nguyện vọng sống với ông, ông sẽ trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Nếu cháu C có nguyện vọng sống cùng bà T thì ông đồng ý để bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là Vũ Minh V, hiện đã trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên ông không có yêu cầu gì.

- *Về T sản chung và nợ chung:* Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận nguyên đơn bà Đào Thị Bích T và bị đơn ông Vũ Đức T là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà Đào Thị Bích T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Vũ Đức T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn ông Vũ Đức T hiện đang cư trú tại Tổ 2, Kp P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã B. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Vũ Đức T có đơn xin vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Vũ Đức T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà T và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 cho đến nay. Quá trình chung sống, tuy có đầy đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình *"Nam nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng….."*. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] *Xác định nguyên nhân mâu thuẫn:* Bà T và ông T đều thừa nhận. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân do ông T thường

xuyên uống rượu về nhà gây gổ và có nhiều lúc đánh nhau. Từ cuối năm 2015 bà T và ông T đã sống ly thân với nhau cho đến nay không ai quan tâm đến ai.

[4] *Căn cứ pháp lý:* Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn làm cho cuộc sống chung trở nên trầm trọng, tình cảm của bà T và ông T không còn, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo quy định tại khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này…"*. Do đó, Hội đồng xét xử cần tuyên bố không công nhận bà Đào Thị Bích T và ông Vũ Đức T là vợ chồng.

[5] Về con chung: Bà T và ông T có 02 con chung là: Vũ Minh V, sinh ngày 24/4/1993 và Vũ Thị Thu C, sinh ngày 27/11/2001. Hiện nay Vũ Minh V đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động, bà T và ông T không có yêu cầu gì nên hội đồng xét xử không xem xét. Đối với Vũ Thị Thu C, Bà T và ông T thống nhất yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con. Tại bản tự khai ngày 18/5/2017 cháu C trình bày: "Sau khi ba mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu là được sống cùng với ba". Hiện nay bà T đang ở trọ, chổ ở không ổn định, đồng thời từ lúc bà T và ông T sống ly thân với nhau từ tháng 12 năm 2015 thì cháu C trực tiếp sống cùng ông T cho đến nay. Theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình *"Vợ, chồng thỏa T về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa T được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".* Do đó, để đảm bảo sự ổn định, học tập và phát triển mọi mặt của cháu C, Hội đồng xét xử cần giao cháu C cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận bà Đào Thị Bích T và ông Vũ Đức T là vợ chồng và giao con chung là Vũ Thị Thu C, sinh ngày 27/11/2001 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

Về T sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định " *Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn"*. Do đó, nguyên đơn bà Đào Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn ông Vũ Đức T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; , khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53, các Điều 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Bích T.

Tuyên bố không công nhận bà Đào Thị Bích T, sinh năm 1972 và ông Vũ Đức T, sinh năm 1971 là vợ chồng.

2/ *Về con chung:* Giao con chung là Vũ Thị Thu C, sinh ngày 27/11/2001 cho ông Vũ Đức T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Bà Đào Thị Bích T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai có quyền cản trở.

3/ *Về T sản chung và nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đào Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003742 ngày 25/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Ông Vũ Đức T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Hữu Đức